

Bản án số: **300/2022/HS-PT**
Ngày 29 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Kim Rết;

Bà Lê Hồng Hương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2022/TLPT-HS, ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo Trương Công M và Lê Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS-ST, ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Trương Công M (Tên gọi khác: C), sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Công T1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 2001 và 02 con chung: con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

2/ Lê Văn Đ, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2, sinh năm 1962 và bà Chu Thị L, sinh năm 1963; Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo Trương Công M và Lê Văn Đ: **Luật sư Dương Đức V**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

(Ngoài ra, còn có các bị cáo Lê Văn H1, Trần Đức P, Nguyễn Bá Q1 và người bị hại anh Nguyễn Duy T3 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; nên không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Công M, Lê Văn Đ, Lê Văn H1 (em ruột Đ), Trần Đức P, Nguyễn Bá Q1 có mối quan hệ là bạn bè quen biết ngoài xã hội.

Buổi tối ngày 04 tháng 3 năm 2021, Trương Công M đi đến nhà Phạm Văn Q2 tại ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai, để dự tiệc sinh nhật. Tại đây, M gặp và ngồi nhậu chung bàn với anh Nguyễn Duy T3. Do trước đó giữa M và T3 có từng đánh nhau nên khi nói chuyện thì T3 và M tiếp tục xảy ra cự cãi, sau đó M đứng lên dùng chân đạp, dùng tay đánh vào đầu T3. Do bị M đánh, T3 liền dùng một cây dừa đâm vào mắt của M. Sau đó được mọi người can ngăn nên M và T3 bỏ đi về nhà.

Bực tức vì bị T3 dùng dừa đâm vào mắt, M gọi điện thoại cho Nguyễn Bá Q1 kể lại sự việc bị T3 đánh và rủ Q1 đánh T3 trả thù. Thời điểm này, Q1 đang ngồi cùng Lê Văn Đ, Lê Văn H1 nên Q1 kể lại sự việc M bị đánh cho Đ và H1 nghe rồi cùng chạy xe mô tô về nhà M. Trên đường đi, Đ gọi điện cho Trần Đức P cầm theo một con dao tự chế đến nhà M dùm cho Đ thì P đồng ý. Khi đến nhà M, cả nhóm thấy M bị T3 đánh bị thương ở mắt nên cả nhóm kéo đến nhà T3 để đánh trả thù. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đến nhà T3, Q1 và H1 đi vào nhà gọi T3 ra nói chuyện, Đ cùng M đứng ngoài hàng rào nhà T3. Lúc này, T3 đi ra gặp H1, hai bên xảy ra cự cãi, trên tay T3 cầm theo vật sắc như cựa đá gà và đòi đâm H1. Nghe tiếng cự cãi, M nhặt một khúc gỗ (dài 85cm, rộng 05cm), Đ cầm một dao tự chế (bằng sắt, màu trắng, dài khoảng 50cm, rộng 05cm, cán bằng sắt, mũi dao vòng cung, lưỡi dao sắc) của P vừa mang đến chạy vào sân nhà T3, tại đây Đ dùng dao chém và M dùng cây đánh nhiều nhát vào đầu, tay của T3 làm T3 gục xuống đất. Sau đó, cả nhóm bỏ đi còn T3 được người nhà đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Tại cơ quan điều tra, Trương Công M cùng Lê Văn Đ, Lê Văn H1, Trần Đức P, Nguyễn Bá Q1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0526/TgT/2021, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của Nguyễn Duy T3: Tổn thương mở bản ngoài xương sọ vùng trán trái đường kính 03cm; sẹo trán trái kích thước 5,5x0,3cm; sẹo 1/3 giữa mặt sau cằm tay trái kích thước 7,5x0,3cm; vết biến đổi sắc tố da 1/3 trên cằm tay trái kích thước 04x0,8cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 15%. Vật gây thương tích: Thương tích đầu và cằm tay trái là vật sắc; chấn thương vai trái, cánh chậu trái và cằm tay phải là vật tày.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS-ST, ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 46; Điều 17, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo. Áp dụng thêm khoản 1 và khoản 2 Điều 54, Điều 65 đối với các bị cáo P, Q1 và H1;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Công M, Lê Văn Đ, Lê Văn H1, Trần Đức P, Nguyễn Bá Q1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Xử phạt bị cáo Trương Công M 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021.

1.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021.

1.3. Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14 tháng 01 năm 2022).

1.4. Xử phạt bị cáo Trần Đức P 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14 tháng 01 năm 2022).

1.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q1 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14 tháng 01 năm 2022).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, các bị cáo Trương Công M và Lê Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay có đủ cơ sở để kết luận:

Cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Trương Công M và Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có một phần lỗi; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ cho các bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trương Công M 02 (Hai) năm tù; bị cáo Lê Văn Đ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng như kháng cáo đã nêu. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, các bị cáo vẫn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo đồng thời các bị cáo đều trình bày các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều phải nuôi cha mẹ già, bị cáo M đang nuôi con nhỏ. Tuy nhiên xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo đều trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phần lý lịch của bản án sơ thẩm không thể hiện bị cáo Trương Công M có vợ và hai con nhỏ trong khi hồ sơ vụ án đã thể hiện nội dung trên là có thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trương Công M có tiền sự do vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”, hiện chưa nộp tiền. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: “1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính...” và tại khoản 1 Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính: “1. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội.”, thì trong trường hợp này, bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên không xem bị cáo là người có tiền sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc xác định căn cước, lai lịch của bị cáo.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào tối ngày 04 tháng 3 năm 2021, trong lúc dự tiệc sinh nhật tại nhà Phạm Văn Q2 (thuộc ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai), giữa Trương Công M và Nguyễn Duy T3 xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, xô xát. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, tại nhà của T3 (thuộc ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai), vì bức tức bị Nguyễn Duy T3 đánh nên với sự giúp sức của Lê Văn H1, Trần Đức P và Nguyễn Bá Q1 thì Trương Công M cùng Lê Văn Đ có hành vi dùng dao, cây (là hung khí nguy hiểm) đánh, chém vào đầu, tay, vai của Nguyễn Duy T3 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm

giản đơn, không có sự bàn bạc trước nhưng các bị cáo thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo M có mâu thuẫn trước với bị hại T3; bị cáo M vừa là người rủ rê các bị cáo khác, vừa là người thực hành cầm cây gây thương tích cho bị hại; bị cáo Đ tham gia với vai trò là người trực tiếp cầm dao gây thương tích cho bị hại. Chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm kéo nhau đến đánh đánh người bị hại, hậu quả gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, có tính chất côn đồ, hung hãn, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần phải có một hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, phòng ngừa chung và đấu tranh chống tội phạm.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại làm đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; một phần nguyên nhân của hành vi phạm tội của các bị cáo là do bị hại; bị cáo Đ có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trương Công M mức án 02 (Hai) năm tù; bị cáo Lê Văn Đ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới và đối với bị cáo M, tuy được xác định lại là chưa có tiền sự nhưng căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Công M, Lê Văn Đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quan điểm của Luật sư: theo nội dung bài bào chữa, luật sư nêu lên các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trương Công M, Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Công M và Lê Văn Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS-ST, ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trương Công M 02 (Hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Trương Công M, Lê Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện T (2);
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Huỳnh Hoa